

RÁC KHÔNG TỰ PHÂN LOẠI: TRÁCH NHIỆM PHÂN LOẠI CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT TẠI NGUỒN CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN Ở VIỆT NAM

PHAN THỊ HỒNG AN
Khoa Luật, Trường Đại học Tôn Đức Thắng

Nhận bài ngày 18/4/2026. Sửa chữa xong 31/5/2026. Duyệt đăng 08/6/2026.

Abstract

This article examines the responsibility of households and individuals for source separation of domestic solid waste in Vietnam from both legal and implementation perspectives. Based on the 2026 consolidated Law on Environmental Protection, Decree No. 45/2022/ND-CP, and recent studies on municipal solid waste management, it argues that Vietnamese law has established key duties for waste generators, including waste reduction, separation, temporary storage, proper handover, and payment of service charges. However, a considerable gap persists between legal requirements and everyday practice due to limited guidance, inadequate infrastructure, non-separated collection routes, incompatible treatment facilities, unclear fee mechanisms, and weak stakeholder coordination. The article argues that household responsibility should be understood not as an isolated legal obligation but as part of a broader service, community, and recycling-market chain. It proposes clearer classification guidance, synchronized infrastructure, conditional enforcement, economic incentives, waste-bank models, and equity-based support for groups facing higher compliance costs.

Keywords: Circular economy, domestic solid waste, households, legal responsibility, source separation, waste bank.

1. Đặt vấn đề

Phân loại rác không bắt đầu ở bãi chôn lấp hay nhà máy xử lý, mà từ những lựa chọn rất nhỏ trong sinh hoạt hằng ngày: thức ăn thừa được để vào đâu, chai nhựa có cần rửa sơ hay không, pin cũ và bóng đèn hỏng có thể bỏ cùng túi rác thường hay phải giao cho một điểm tiếp nhận riêng. Khi người dân không biết nhóm rác nào cần tách, không có chỗ đặt nhiều thùng trong nhà, hoặc đã tách nhưng xe thu gom lại gom chung, nghĩa vụ pháp lý khó trở thành nếp sống. Vì vậy, nhan đề “rác không tự phân loại” không chỉ nói về ý thức của cư dân, mà còn nhấn mạnh điều kiện thể chế và dịch vụ cần thiết để hành vi đó xảy ra một cách bền vững.

Áp lực quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở Việt Nam ngày càng lớn. Lưu Thị Hương (2025) ghi nhận lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 68.000 tấn/ngày và tỷ lệ gia tăng khoảng 10%/năm; khoảng 64% lượng chất thải rắn sinh hoạt vẫn được xử lý bằng chôn lấp và chỉ khoảng 20% trong đó là chôn lấp hợp vệ sinh. Lưu Đức Hải và Khúc Văn Quý (2022) cũng cho thấy năm 2019 lượng chất thải rắn sinh hoạt toàn quốc đạt 64.658 tấn/ngày, tăng 46% so với năm 2010; Hà Nội và Thành phố (TP) Hồ Chí Minh đều thuộc nhóm địa phương phát sinh hơn 6.000 tấn/ngày. Những số liệu này cho thấy nếu rác tiếp tục đi vào hệ thống như một dòng hỗn hợp, chi phí đất đai, vận chuyển, xử lý nước rỉ rác, mùi và phát thải sẽ tiếp tục tăng.

Ngược lại, nếu rác hữu cơ, rác tái chế, rác nguy hại trong sinh hoạt và phần còn lại được đưa vào các dòng riêng, cơ hội biến chất thải thành tài nguyên sẽ cao hơn. Nghiên cứu về TP Hồ Chí Minh cho thấy nguồn rác hộ gia đình có tỷ lệ hữu cơ dễ phân hủy rất lớn, từ 64,8% đến 74,3%, đồng thời có độ ẩm cao, nên việc trộn lẫn làm giảm hiệu quả đốt, tái chế và sản xuất phân hữu cơ (Lưu Đức Hải và Khúc Văn Quý, 2022). Tại TP Hồ Chí Minh, nhóm Trịnh Thị Minh Châu và đồng nghiệp (2022) ước tính năm 2021 khối lượng chất

Email: phanthihongan@tdtu.edu.vn.

thải rắn sinh hoạt được thu gom, vận chuyển đến khu xử lý là 3.130.662 tấn, trung bình 8.577 tấn/ngày; nếu không có phân loại ổn định, tiềm năng tái chế khó chuyển thành năng lực công nghiệp thực chất.

Pháp luật Việt Nam đã chuyển từ tư duy “thu gom rác hỗn hợp” sang quản lý theo dòng vật liệu. Điểm a khoản 1 Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường, bản hợp nhất số 98/VBHN-VPQH ngày 10/4/2026, yêu cầu chất thải được quản lý theo toàn bộ quá trình từ phát sinh, giảm thiểu, phân loại, thu gom, lưu giữ, trung chuyển, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý đến tiêu hủy. Đối với hộ gia đình, điểm a khoản 1 Điều 60 Luật này đặt nghĩa vụ giảm thiểu, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thu gom và chuyển rác đã phân loại đến đúng nơi quy định; điểm d khoản 1 Điều 60 yêu cầu chi trả kinh phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định. Như vậy, phân loại tại nguồn đã trở thành một mất xích pháp lý trong quản trị rác sinh hoạt.

Tuy nhiên, quy định đúng chưa bảo đảm thực hiện đúng. Anh Nguyen Thi và đồng nghiệp (2026) cho thấy nhiều người dân ở TP Hồ Chí Minh có thái độ tích cực với phân loại rác, nhưng đánh giá thực trạng phân loại vẫn thấp và hành vi chủ yếu nghiêng về tách phế liệu có giá trị bán được. Nguyễn Hồng Phúc và đồng nghiệp (2024) khi khảo sát 145 sinh viên tại TP Hồ Chí Minh cũng chỉ ra mối liên hệ giữa kiến thức phân loại và tần suất thực hành, đồng thời nhấn mạnh các khó khăn về kiến thức, cơ sở vật chất và quy định thu gom hiện hành. Vấn đề đặt ra vì thế không phải chỉ là “hộ gia đình có nghĩa vụ hay không”, mà là nghĩa vụ ấy đã được hỗ trợ bằng hạ tầng, thông tin, thị trường và cơ chế thực thi đủ rõ hay chưa.

2. Nội dung nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích quy phạm pháp luật để xác định nội dung trách nhiệm của hộ gia đình, cá nhân theo Luật Bảo vệ môi trường bản hợp nhất năm 2026 và chế tài liên quan theo Nghị định số 45/2022/NĐ-CP. Các dẫn chiếu pháp luật trong nội dung được trình bày theo hình thức điểm, khoản, điều và tên văn bản; đối với tài liệu nghiên cứu, bài viết sử dụng cách trích dẫn tác giả - năm theo chuẩn APA và ưu tiên cách gọi “và đồng nghiệp” trong phần nội dung để thống nhất diễn đạt tiếng Việt.

Bài viết đồng thời tổng hợp tài liệu thứ cấp từ nhóm nguồn nghiên cứu về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đã được cập nhật, gồm các nghiên cứu về TP. Hồ Chí Minh, Đồng Anh, Diễn Châu, Đắk Lắk, Đồng bằng sông Cửu Long, ngân hàng chất thải, kinh tế tuần hoàn và mô hình tái chế. Phương pháp phân tích - tổng hợp được dùng để nhận diện các rào cản về hành vi, hạ tầng, hướng dẫn kỹ thuật, phối hợp chủ thể và chế tài. Phạm vi bài viết giới hạn ở chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân; chất thải nguy hại trong sinh hoạt được xem là một dòng liên quan đến phân loại, không mở rộng sang chất thải công nghiệp, y tế hoặc chất thải phát sinh từ doanh nghiệp.

2.1. Cấu trúc pháp lý của trách nhiệm phân loại tại nguồn

Khoản 18 và khoản 19 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường, bản hợp nhất số 98/VBHN-VPQH ngày 10/4/2026, xác định chất thải là vật chất được thải ra từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác, còn chất thải rắn là chất thải ở thể rắn hoặc bùn thải. Trong khuôn khổ bài viết, chất thải rắn sinh hoạt được hiểu theo nghĩa thực tiễn: rác nhà bếp, thức ăn thừa, bao bì tiêu dùng, giấy, nhựa, kim loại, thủy tinh, rác còn lại sau tiêu dùng, pin, bóng đèn, thiết bị điện tử nhỏ và rác cống kênh phát sinh từ đời sống hằng ngày. “Tại nguồn” là nơi rác xuất hiện lần đầu, như căn hộ chung cư, nhà trọ, nhà riêng, phòng rác tầng hoặc điểm sinh hoạt của khu dân cư, chứ không phải bãi xử lý cuối nguồn.

Khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, bản hợp nhất số 98/VBHN-VPQH ngày 10/4/2026, quy định chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân loại thành ba nhóm: chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; và chất thải rắn sinh hoạt khác. Khoản 2 Điều 75 giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân loại cụ thể nhóm chất thải rắn sinh hoạt khác trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, đồng thời trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chính sách khuyến khích phân loại riêng chất thải nguy hại trong chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân. Cách thiết kế này tạo khung thống nhất nhưng vẫn dành khoảng điều chỉnh cho địa phương.

Trách nhiệm của hộ gia đình không dừng ở hành vi “tách” mà kéo dài sang lưu giữ và chuyển giao. Khoản 3 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, bản hợp nhất số 98/VBHN-VPQH ngày 10/4/2026, yêu cầu hộ

gia đình, cá nhân ở đô thị chứa, đựng chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại trong bao bì để chuyển giao; chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế có thể giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở thu gom, vận chuyển; chất thải thực phẩm và phần còn lại phải được chứa, đựng và chuyển giao cho cơ sở có chức năng. Khoản 4 Điều 75 mở thêm hướng ở nông thôn, khuyến khích tận dụng tối đa chất thải thực phẩm làm phân bón hữu cơ hoặc thức ăn chăn nuôi khi đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường. Như vậy, pháp luật đã thừa nhận sự khác biệt đô thị - nông thôn, nhưng vẫn giữ điểm chung là rác đã phân loại phải đi vào một tuyến chuyển giao rõ ràng.

Pháp luật cũng đặt nghĩa vụ tương ứng cho các chủ thể ngoài hộ gia đình. Khoản 1 Điều 76 Luật Bảo vệ môi trường, bản hợp nhất số 98/VBHN-VPQH ngày 10/4/2026, yêu cầu điểm tập kết và trạm trung chuyển có khu vực khác nhau để lưu giữ các loại chất thải rắn sinh hoạt đã phân loại, bảo đảm không để lẫn các loại chất thải đã được phân loại. Khoản 3 Điều 77 buộc cơ sở thu gom, vận chuyển phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cộng đồng dân cư và đại diện khu dân cư để xác định thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom, đồng thời công bố rộng rãi. Khoản 4 Điều 77 yêu cầu phương tiện, thiết bị phù hợp với từng loại rác đã phân loại. Những quy định này cho thấy pháp luật không chỉ đặt nghĩa vụ lên người dân, mà còn đặt điều kiện vận hành cho hệ thống dịch vụ.

Một điểm quan trọng là cơ chế “từ chối thu gom”. Khoản 2 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường, bản hợp nhất số 98/VBHN-VPQH ngày 10/4/2026, cho phép cơ sở thu gom, vận chuyển từ chối thu gom chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân nếu rác không được phân loại hoặc không sử dụng bao bì đúng quy định, đồng thời phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xử lý. Cơ chế này làm cho nghĩa vụ phân loại có hậu quả pháp lý cụ thể, nhưng cũng đặt ra yêu cầu thận trọng: quyền từ chối chỉ hợp lý khi địa phương đã có hướng dẫn, điểm giao rác, lịch thu gom và quy trình xử lý tiếp theo; nếu không, rác tồn đọng có thể tạo ô nhiễm ngay trong khu dân cư.

Về kinh tế, khoản 1 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường, bản hợp nhất số 98/VBHN-VPQH ngày 10/4/2026, quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân được tính dựa trên khối lượng hoặc thể tích rác đã phân loại; chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và chất thải nguy hại phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân đã phân loại riêng thì không phải chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý. Khoản 2 Điều 79 quy định nếu không phân loại hoặc phân loại không đúng đối với nhóm tái sử dụng, tái chế và nhóm thực phẩm thì phải trả giá dịch vụ như đối với chất thải rắn sinh hoạt khác. Cơ chế này thể hiện nguyên tắc người phát sinh rác chịu chi phí tương ứng với phần rác còn lại, đồng thời tạo lợi ích kinh tế cho việc tách đúng.

Chế tài hành chính vẫn là công cụ cuối cùng. Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP quy định phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi hộ gia đình, cá nhân không phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định hoặc không sử dụng bao bì chứa chất thải rắn sinh hoạt theo quy định. Tuy nhiên, tính hợp lý của xử phạt phụ thuộc rất lớn vào điều kiện thực hiện. Nếu địa phương chưa công bố lịch thu gom riêng, chưa bố trí điểm tập kết có khu vực tách dòng, hoặc phương tiện thu gom vẫn gom chung, việc xử phạt hộ gia đình sẽ khó thuyết phục về mặt công bằng.

2.2. Thực tiễn thực hiện: khoảng cách giữa ý muốn và năng lực vận hành

Các nghiên cứu thực nghiệm cho thấy kết quả phân loại tại nguồn phụ thuộc nhiều vào cách tổ chức cụ thể. Mô hình kinh tế tuần hoàn trong quản lý rác thải sinh hoạt tại huyện Đông Anh được Nguyễn Hữu Giáp và Nguyễn Ngân Hà (2025) khảo sát với 315 hộ; kết quả năm 2024 ghi nhận hơn 87% hộ phân loại tại nguồn, lượng rác bình quân mỗi hộ giảm gần 60%, rác hữu cơ xử lý tại nguồn vượt 60% và rác tái chế đạt trên 34%. Đây là bằng chứng cho thấy khi hộ gia đình có hướng dẫn, quy trình và cơ chế thực hành phù hợp, phân loại không phải là mục tiêu xa vời.

Ngược lại, nghiên cứu tại thị trấn Diễn Châu của Hồ Ngọc Cường và đồng nghiệp (2023) cho thấy sự khác biệt đáng kể giữa đánh giá về tầm quan trọng và hành vi thực tế: trong 60 hộ khảo sát, phần lớn hộ xem giảm phát thải và phân loại là cần thiết, nhưng chỉ một số nhỏ có thực hành và dụng cụ phân loại. Nghiên cứu tại Đắk Lắk của Trịnh Thị Thủy và Đặng Thị Nhung (2023) cũng chỉ ra dù tỷ lệ thu gom, xử lý rác ở đô thị ước đạt 91% và các đô thị, trung tâm huyện lỵ đều có tổ chức dịch vụ vệ sinh, việc phân loại tại nguồn vẫn

chưa đúng quy định; thiết bị, phương tiện thu gom rác đã phân loại chưa phù hợp và xử lý vẫn chủ yếu dựa vào chôn lấp. Điều này cho thấy mở rộng dịch vụ thu gom chưa đồng nghĩa với hoàn thiện phân loại.

Khoảng cách giữa thái độ và hành vi là điểm nghẽn đầu tiên. Anh Nguyen Thi và đồng nghiệp (2026) ghi nhận tại Thành phố Hồ Chí Minh, nhiều người dân ủng hộ phân loại nhưng thực hành lại thường theo lối “tách thứ bán được” hơn là theo dòng rác chính thức. Trịnh Thị Minh Châu và đồng nghiệp (2022) khảo sát 400 hộ gia đình tại TP. Hồ Chí Minh và cho thấy chỉ 56% người được khảo sát trả lời đúng khái niệm tái chế, trong khi 54,8% cho rằng hình thức xử lý chất thải rắn sinh hoạt hiện nay là tái chế - một nhận định chưa phù hợp với thực tế xử lý chủ yếu còn dựa nhiều vào chôn lấp. Khi nhận thức về đích đến của rác chưa chính xác, hành vi phân loại khó ổn định.

Điểm nghẽn thứ hai nằm ở hạ tầng sau phân loại. Nếu điểm tập kết không có ô riêng, xe thu gom không có ngăn riêng hoặc lịch thu gom theo dòng rác không rõ, người dân nhanh chóng mất niềm tin. Huỳnh Thị Đan Xuân và đồng nghiệp (2021) khi phân tích quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở Đồng bằng sông Cửu Long bằng mô hình DPSIR¹ cho thấy tỷ lệ thu gom, xử lý còn hạn chế, khoảng 80% - 87%, trong khi các nguyên nhân chính gồm khó tiếp cận công nghệ mới, thiếu nhân lực và chính sách quản lý chưa hiệu quả. Các tác giả đề xuất cải thiện phí, kỹ thuật, hệ thống thu gom, công nghệ tái chế và nhận thức cộng đồng. Những khuyến nghị này tương thích với nhận định rằng phân loại tại nguồn chỉ có hiệu quả khi toàn bộ tuyến sau phân loại được tổ chức đồng bộ.

Điểm nghẽn thứ ba là giá trị thị trường của dòng rác sau phân loại. Lưu Đức Hải và Khúc Văn Quý (2022) chỉ ra một rào cản lớn là chưa có mô hình thu gom và phân loại hợp lý, đồng thời thiếu thị trường tiêu thụ tiếp cận trực tiếp đến hộ gia đình và xóm dân cư. Khi hộ gia đình đã tách rác nhưng không biết giao cho ai, bán ở đâu, hoặc dòng rác tái chế bị lẫn tạp chất nên mất giá, hành vi phân loại dễ bị bỏ dở. Tại TP. Hồ Chí Minh, Nguyễn Thị Cẩm Hằng và đồng nghiệp (2022) cho thấy hoạt động thu mua phế liệu chủ yếu nằm trong khu vực phi chính thức; đây là nguồn lực có thật nhưng nếu không được kết nối an toàn, chính sách sẽ khó đo lường và quản lý dòng vật liệu tái chế.

Điểm nghẽn thứ tư là sự không đồng đều giữa các nhóm cư dân. Người thuê trọ, hộ nghèo, người cao tuổi, hộ sống trong chung cư cũ hoặc khu dân cư có diện tích chật thường có chi phí tuân thủ cao hơn hộ có không gian và thời gian. Nguyễn Hồng Phúc và đồng nghiệp (2024) cho thấy trong nhóm sinh viên, kiến thức phân loại có tương quan với tần suất phân loại, nhưng thực hành còn bị cản bởi kiến thức chưa đủ, cơ sở vật chất và quy định thu gom. Điều này gợi ý chính sách không thể chỉ truyền đạt mệnh lệnh chung mà phải giảm chi phí hành vi cho từng nhóm đối tượng.

Điểm nghẽn thứ năm là khả năng duy trì mô hình sau giai đoạn thí điểm. Nhiều mô hình thành công ở quy mô nhỏ vì có dự án hỗ trợ, tình nguyện viên, thùng rác, truyền thông và giám sát gần. Khi nguồn lực hỗ trợ kết thúc, nếu chưa hình thành cơ chế tài chính và thị trường tiếp nhận, tỷ lệ tham gia có thể giảm. Lưu Thị Hương (2025) khi phân tích mô hình ngân hàng chất thải tại Việt Nam đã nêu trường hợp VracBank tại Nhà máy Xi măng Lam Thạch: trong 6 tháng, mô hình thu được hơn 8.200 kg giấy, 5.300 kg vải, hơn 2.600 kg nhựa và hơn 91.300 vỏ lon, người tham gia rút tổng cộng hơn 96 triệu đồng; tuy nhiên, mô hình chưa được tiếp tục nhân rộng sau cuộc thi. Đây là ví dụ điển hình cho thấy ý tưởng tốt cần thể chế hóa và có cơ chế vận hành lâu dài.

Từ các điểm nghẽn trên, có thể thấy trách nhiệm cá nhân đang bị “quá tải” nếu được hiểu như nghĩa vụ đơn tuyến. Hộ gia đình có thể tách rác, nhưng không thể tự tạo thùng chứa công cộng, tự thay đổi xe thu gom, tự xây cơ sở xử lý hữu cơ hoặc tự bảo đảm thị trường tái chế. Vì vậy, vấn đề trung tâm không phải là tăng thêm mệnh lệnh đối với người dân, mà là thiết kế chuỗi trách nhiệm sao cho mỗi chủ thể làm đúng phần việc của mình.

2.3. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật và cơ chế thực thi

2.3.1. Cụ thể hóa hướng dẫn phân loại theo hướng trực quan và thống nhất tối thiểu trên toàn quốc

1) Mô hình DPSIR là khung phân tích được Cơ quan Môi trường Châu Âu phát triển để mô tả mối quan hệ nhân - quả tương hỗ giữa các hoạt động của con người và môi trường. DPSIR là viết tắt của 5 yếu tố: Động lực (Driving force), Sức ép (Pressure), Hiện trạng (State), Tác động (Impact) và Phản hồi (Response).

Công văn, sổ tay hoặc phụ lục kỹ thuật nên trình bày bằng hình ảnh, màu sắc, biểu tượng và ví dụ thường gặp, thay vì chỉ lặp lại ba nhóm rác trong luật. Danh mục nên trả lời các tình huống dễ nhầm như hộp sữa giấy, nylon dính thức ăn, hộp xốp, dầu ăn thải, pin, bóng đèn, thuốc hết hạn, quần áo cũ, thiết bị điện tử nhỏ và rác cống kênh. Địa phương có thể bổ sung chi tiết theo năng lực xử lý, nhưng không nên làm biến mất ngôn ngữ chung giữa các tỉnh, thành. Hướng dẫn riêng cho nhà phố, chung cư, nhà trọ, trường học, chợ dân sinh và nông thôn là cần thiết vì điều kiện lưu giữ rác ở các nơi này khác nhau.

2.3.2. Chuyển yêu cầu hạ tầng trong luật thành tiêu chuẩn dịch vụ trong hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý

Điều 76 và Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường, bản hợp nhất số 98/VBHN-VPQH ngày 10/4/2026, đã có yêu cầu về điểm tập kết, trạm trung chuyển, thời gian, tuyến thu gom và phương tiện phù hợp. Vấn đề là các yêu cầu này phải được đưa vào hồ sơ mời thầu, hợp đồng đặt hàng, tiêu chí nghiệm thu và báo cáo định kỳ của đơn vị dịch vụ. Lịch thu gom cần được công khai bằng bảng tin, nhóm cộng đồng, loa phường, mã QR hoặc ứng dụng điện thoại; phản ánh về việc trộn rác sau phân loại phải có kênh tiếp nhận và phản hồi.

2.3.3. Xử phạt cần đi theo lộ trình có điều kiện

Giai đoạn đầu nên tập trung hướng dẫn, cung cấp thùng hoặc điểm giao rác, giải thích quy trình và hỗ trợ các nhóm khó khăn. Giai đoạn tiếp theo là nhắc nhở, cảnh báo, ghi nhận trường hợp vi phạm và công khai ở mức phù hợp trong cộng đồng. Chỉ khi địa phương đã có điều kiện tối thiểu như hướng dẫn rõ, điểm tập kết phù hợp, tuyến thu gom riêng và quy trình kiểm tra, chế tài tiền phạt theo Nghị định số 45/2022/NĐ-CP mới nên được áp dụng thường xuyên. Cách làm này không làm giảm tính nghiêm minh, mà giúp chế tài có nền tảng công bằng và khả thi.

2.3.4. Sử dụng công cụ kinh tế để tạo lợi ích nhìn thấy được

Cơ chế giá theo Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường, bản hợp nhất số 98/VBHN-VPQH ngày 10/4/2026, cho phép giảm gánh nặng phí đối với hộ phân loại đúng và tăng chi phí đối với phần rác còn lại. Có thể thí điểm giảm phí cho hộ hoặc chung cư phân loại tốt, hỗ trợ thùng hoặc túi phân loại cho hộ nghèo, nhà trọ, trường học, khu dân cư cũ; đồng thời thưởng cho tổ dân phố, chung cư, trường học có tỷ lệ tham gia và tỷ lệ phân loại đúng cao. Công cụ như trả phí theo lượng rác còn lại chỉ nên áp dụng khi phương thức đo đơn giản, minh bạch và có cơ chế bảo vệ nhóm thu nhập thấp.

2.3.5. Phát triển mô hình ngân hàng chất thải như một kênh nối giữa hộ gia đình và thị trường tái chế

Lưu Thị Hương (2025) cho thấy Ấn Độ đã có 371 ngân hàng chất thải trung ương và 24.893 ngân hàng đơn vị, với 892.456 khách hàng đang hoạt động; Thái Lan có 7.773 ngân hàng chất thải, thu hút 14 triệu hộ gia đình và thu gom 1,4 triệu tấn vật liệu tái chế; Thụy Điển đạt tỷ lệ tái chế chai PET và lon nhôm khoảng 85% - 90% thông qua hệ thống hoàn trả tiền cọc. Việt Nam không nhất thiết sao chép mô hình này nguyên trạng, nhưng có thể thể chế hóa ngân hàng chất thải ở phường, trường học, khu chung cư hoặc khu công nghiệp, gắn với sổ điểm, tài khoản điện tử, lịch thu mua và liên kết doanh nghiệp tái chế.

2.3.6. Truyền thông cần chuyển từ “tuyên truyền nghĩa vụ” sang “thiết kế hành vi”

Người dân cần được trả lời bốn câu hỏi: rác này thuộc nhóm nào, giao ở đâu, giao khi nào và sau đó được xử lý ra sao. Thông điệp nên đặt tại bếp, thùng rác gia đình, phòng rác chung cư, điểm tập kết, xe thu gom và ứng dụng dịch vụ đô thị. Cộng đồng cũng cần nhận phản hồi định kỳ: bao nhiêu rác hữu cơ đã được xử lý tại nguồn, bao nhiêu vật liệu tái chế đã được thu hồi, lượng chôn lấp đã giảm thế nào. Khi cư dân thấy kết quả của hành vi, phân loại dễ trở thành thói quen hơn so với việc chỉ nghe khẩu hiệu.

2.3.7. Phân bổ lại trách nhiệm giữa các chủ thể

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy trình, bố trí ngân sách và lựa chọn công nghệ; cấp xã công bố lịch thu gom, hướng dẫn hộ gia đình và tiếp nhận phản ánh; đơn vị thu gom giữ riêng các dòng rác; ban quản lý chung cư và chủ nhà trọ bố trí không gian lưu giữ; cơ sở xử lý công bố năng lực tiếp nhận; trường học, hội phụ nữ, đoàn thanh niên và tổ dân phố hỗ trợ hình thành chuẩn mực xã hội. Lực lượng ve chai, thu mua phế liệu phi chính thức cần được đăng ký, hướng dẫn an toàn và kết nối với ngân hàng chất thải hoặc điểm thu gom, thay vì bị xem là lực lượng ngoài chính sách.

2.3.8. Xây dựng bộ chỉ số giám sát

Bộ chỉ số có thể gồm tỷ lệ hộ tham gia, tỷ lệ phân loại đúng, lượng rác thực phẩm được xử lý hữu cơ, lượng vật liệu tái chế thu hồi, số phản ánh về việc trộn rác, số lần từ chối thu gom, chi phí thu gom - xử lý bình quân và mức giảm chôn lấp. Các chỉ số này nên được công khai theo khu dân cư hoặc phường, xã để tạo áp lực minh bạch. Đỗ Huỳnh Yến Vy (2025) khi phân tích pháp luật về kinh tế tuần hoàn cũng nhấn mạnh yêu cầu xây dựng hành lang pháp lý rõ ràng, lộ trình cụ thể và cơ chế khuyến khích khu vực tư nhân tham gia. Trong quản lý rác sinh hoạt, bộ chỉ số là công cụ để lộ trình đó không dừng ở khẩu hiệu.

2.3.9. Bảo đảm công bằng trong thực thi

Chính sách không nên áp một mô hình giống nhau cho căn hộ cao tầng, nhà trọ, nhà phố, chợ dân sinh và vùng nông thôn xa tuyến thu gom. Người thuê trọ, hộ nghèo, người cao tuổi, gia đình đông người hoặc cư dân chung cư cũ có thể cần hỗ trợ thùng, túi, điểm tập kết gần hơn hoặc lịch thu gom linh hoạt hơn. Công bằng không phải là miễn trừ nghĩa vụ mà là thiết kế điều kiện để các nhóm có chi phí tuân thủ cao vẫn có thể làm đúng.

3. Kết luận

Phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn là bước chuyển cần thiết để Việt Nam giảm phụ thuộc vào chôn lấp, tăng tái chế, xử lý hữu cơ và phát triển kinh tế tuần hoàn. Luật Bảo vệ môi trường bản hợp nhất năm 2026 đã đặt nền tảng pháp lý tương đối đầy đủ: hộ gia đình có nghĩa vụ giảm thiểu, phân loại, chuyển giao và trả phí; đơn vị thu gom có trách nhiệm tổ chức tuyến và có quyền từ chối rác không đáp ứng yêu cầu; địa phương có trách nhiệm bố trí điểm tập kết, trạm trung chuyển, cơ sở xử lý và lộ trình phí dịch vụ. Tuy nhiên, “rác không tự phân loại” chỉ vì luật đã ghi nhận nghĩa vụ. Hành vi của người dân chỉ ổn định khi được nâng đỡ bởi hướng dẫn dễ hiểu, hạ tầng phù hợp, lịch thu gom đáng tin cậy, thị trường tái chế, khuyến khích kinh tế, chế tài công bằng và giám sát cộng đồng. Do đó, hoàn thiện pháp luật trong giai đoạn tới cần dịch chuyển từ việc nhấn mạnh nghĩa vụ cá nhân sang thiết kế chuỗi trách nhiệm chia sẻ. Khi người dân, chính quyền, đơn vị dịch vụ, cộng đồng và doanh nghiệp tái chế cùng tham gia vào một hệ thống rõ ràng, phân loại tại nguồn mới có thể trở thành thói quen pháp lý - xã hội bền vững.

Tài liệu tham khảo

- Anh Nguyen Thi, Hoc Duong Van, & Truc Vo Thanh. (2026). Classification and storage of municipal solid waste in Viet Nam: Evidence of gaps between regulations and practice. *International Journal of Environmental Science and Development*, 17(2), 176-184. <https://doi.org/10.18178/ijesd.2026.17.2.1578>.
- Đỗ Huỳnh Yến Vy (2025). Pháp luật về kinh tế tuần hoàn: Thực tiễn và hướng hoàn thiện đối với Việt Nam. *Tạp chí Việt Nam Hội nhập*, 366, 57-64. <https://doi.org/10.62829/VNHN.366.57.64>.
- Hồ Ngọc Cường, Nguyễn Thị Thủy Dung, Lưu Thị Thu Huyền, & Hoàng Thị Vinh (2023). Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình: Nghiên cứu trường hợp tại Diễn Châu, Nghệ An. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, 65(4), 59-65. [https://doi.org/10.31276/VJST.65\(4\).59-65](https://doi.org/10.31276/VJST.65(4).59-65).
- Huỳnh Thị Đan Xuân, Khổng Tiến Dũng, Huỳnh Việt Khải, Ngô Thị Thanh Trúc, & Tống Yên Đan (2021). Ứng dụng mô hình đánh giá tổng hợp DPSIR trong nghiên cứu thực trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở Đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 57(Chuyên đề Môi trường và Biến đổi khí hậu), 108-120. <https://doi.org/10.22144/ctu.jsi.2021.034>.
- Lưu Đức Hải, & Khúc Văn Quý (2022). Rào cản và giải pháp biến chất thải rắn sinh hoạt thành tài nguyên tại Việt Nam. Preprint. <https://doi.org/10.31219/osf.io/6mryu>.
- Lưu Thị Hương (2025). Thực trạng thực hiện mô hình ngân hàng chất thải tại Việt Nam và đề xuất giải pháp hoàn thiện. *Tạp chí Môi trường*, 11, 48-52.
- Nguyễn Hồng Phúc, Dương Gia Thịnh, Đỗ Cao Đạt, Trương Minh Khải, Phạm Đình Văn, & Nguyễn Vĩnh Khương (2024). Thực trạng nhận thức về phân loại rác tại nguồn của sinh viên ở một số trường đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Môi trường*, Chuyên đề III, 39-48.
- Nguyễn Hữu Giáp, & Nguyễn Ngân Hà (2025). Ứng dụng kinh tế tuần hoàn trong quản lý rác thải sinh hoạt của hộ gia đình tại huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. *Vietnam Journal of Agricultural Sciences*, 23(5), 629-638.
- Nguyễn Thị Cẩm Hằng, Nguyễn Thanh Hùng, & Lê Tân Cương (2022). Thực trạng và giải pháp thúc đẩy hoạt động tái chế chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng tiếp cận kinh tế tuần hoàn. *Tạp chí Khoa học Đại học Văn Lang*, 32, 97-106.
- Trịnh Thị Minh Châu, Trần Nhật Nguyên, & Nguyễn Thị Huyền Trang (2022). Tiềm năng phát triển hoạt động tái chế chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Xã hội*, 7(287), 19-28.
- Trinh Thi Kim Lien, Allen H. Hu, & Song Toan Pham Phu (2021). Situation, challenges, and solutions of policy implementation on municipal waste management in Vietnam toward sustainability. *Sustainability*, 13(6), 3517. <https://doi.org/10.3390/su13063517>
- Trịnh Thị Thủy, & Đặng Thị Nhung (2023). Pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk